TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2019/DS-PT
Ngày: 26-9-2019
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 153/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2019/DS-ST, ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 89, LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 PXL, phường 7, quận PN, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần A, kiêm Phó Giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ (theo văn bản ủy quyền số: 11/2018/UY-HĐQT ngày 02/3/2018);

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Ông Phan Thanh H hoặc ông Hà Xuân D chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của VPBank AMC, địa chỉ lên lạc: Tầng 2, 96 CT,

phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2019; (Ông Hà có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

Ông Đỗ Tấn K, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp VT1, xã LC, thị xã TC, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tự khai ngày 02/6/2018 của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K. Theo đó, những Hợp đồng tín dụng mà bà Mỹ C và ông Tấn K đã ký Hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần A là: Hợp đồng tín dụng số: 20160827- 101066- 0360 giải ngân ngày 27/8/2016 (căn cứ giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 24/8/2016) số tiền vay 78.750.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà C và ông K thanh toán, nhưng bà C, ông K cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Nhân hàng, trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì bà C với ông K có trả vốn gốc và lãi suất cho Ngân hàng được 14.498.085 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà Mỹ C và ông Tấn K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số vốn còn lại là 64.251.915 đồng và lãi suất tính đến ngày 11/6/2019 là 94.791.405 đồng theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng là 37%/ năm, trong đó có 26.579.768 đồng là lãi quá hạn. Trừ đi lãi đã nộp là 13.903.250 đồng tính từ ngày 30/9/2016 đến ngày 27/2/2017. Vậy lãi còn lại phải trả là 81.041.154 đồng.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần dứt điểm số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày quan điểm của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST, ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC đã xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; khoản 1 Điều 91, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C với ông Đỗ Tấn K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A do anh Phan Thanh H đại diện theo ủy quyền 92.502.000 đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng chẵn).

[2] Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị Mỹ C với ông Đỗ tân Khoa phải chịu phải chịu 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 2.731.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004743 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST, ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC; yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 11/6/2019 là 145.293.069 đồng (Trong đó nợ gốc là 64.251.915 đồng và tổng nợ lãi là 81.041.154 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký Tòa án tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần A; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vốn 64.251.915 đồng và lãi 81.041.154 đồng. Bà C và ông K phải chịu án phí sơ thẩm 7.265.500 đồng. Ngoài ra, bà C, ông K phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận kể tử ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát Viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) A được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị Mỹ C với ông Đỗ Tấn K đã được tống đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông K.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP A làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST, ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC; yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 11/6/2019 là 145.293.069 đồng (Trong đó nợ gốc là 64.251.915 đồng và tổng nợ lãi là 81.041.154 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 27/8/2016 Ngân hàng TMCP A đã cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K. Theo đó, những Hợp đồng tín dụng mà bà Mỹ C và ông Tấn K đã ký Hợp đồng với Ngân hàng TMCP A là: Hợp đồng tín dụng số: 20160827-101066- 0360 giải ngân ngày 27/8/2016 (căn cứ giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 24/8/2016) số tiền vay 78.750.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà C, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà C, ông K trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C, ông K trả số tiền vốn 64.251.915 đồng cho ngân hàng là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mức lãi suất hai bên thỏa thuận 37%/năm là cao và không phù hợp quy định quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên điều chỉnh lại mức 20%/năm là không đúng. Ngoài ra, bản án còn tuyên kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là không đúng theo quy định tại Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 3, Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 7, Điều 13 Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Quy định khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định từ ngày tiếp theo của

ngày xét xử thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng kháng cáo xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TC là có căn cứ, nên lãi suất được tính lại như sau:

- Từ ngày 27/8/2016 đến 30/9/2016 = 34 ngày; lãi suất bằng:

(78.750.000 đồng x lãi suất 37%/năm x 34 ngày = 2.751.875 đồng);

- Từ ngày 01/10/2016 đến 29/10/2016 = 28 ngày; lãi suất bằng:

(76. 544.904 đồng x lãi suất 37%/năm x 28 ngày = 2.202,792 đồng);

- Từ ngày 30/10/2016 đến 05/12/2016= 36 ngày; lãi suất bằng:

(74. 190.880 đồng x lãi suất 37%/năm x 21 ngày = 2.745,063đồng);

- Từ ngày 06/12/2016 đến 27/12/2016= 21 ngày; lãi suất bằng:

(71. 840.525 đồng x lãi suất 37%/năm x 21 ngày = 1.550.558 đồng);

- Từ ngày 28/12/2016 đến 27/01/2017= 30 ngày; lãi suất bằng:

(69.341.449 đồng x lãi suất 37%/năm x 30 ngày = 2.138.028 đồng);

- Từ ngày 28/01/2017 đến 27/02/2017= 30 ngày; lãi suất bằng:

(66.836.586 đồng x lãi suất 37%/năm x 30 ngày = 2.060.795 đồng);

- Từ ngày 28/02/2017 đến 27/03/2017= 27 ngày; lãi suất bằng:

(64.251.915 đồng x lãi suất 37%/năm x 27 ngày = 1.782.991 đồng);

- Từ ngày 28/03/2017 đến 11/6/2019= 805 ngày; lãi suất bằng:

(64.251.915 đồng x lãi suất 37%/năm x 805 ngày = 53.159.536 đồng);

Tổng cộng lãi trong hạn là 68.391.637 đồng, lãi quá hạn 26.579.768 = 94.971.405 đồng. Được khấu trừ tiền lãi đã nộp là 13.930.251đồng, nên còn lại tiền lãi là: 94.971.405 đồng - 13.930.251 đồng = 81.041.154 đồng.

Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K Phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền vốn là 64.251.915 đồng và lãi suất là 81.041.154 đồng, tổng cộng là 145.293.069 đồng. Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP A, cũng như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP A; Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K Phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vốn là 64.251.915 đồng và lãi suất là 81.041.154 đồng, tổng cộng là 145.293.069 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K phải chịu 7.265.000 đồng án phí dân sư sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại 2.731.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004743 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001980 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 4, khoản 2 Điều 148, Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 21 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST, ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TC.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vốn là 64.251.915 đồng, và lãi là 81.041.154 đồng. Tổng cộng 145.293.069 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Đỗ Tấn K phải chịu 7.265.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại 2.731.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004743 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001980 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định từ ngày tiếp theo của ngày xét xử thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – thị xã TC;
- THA – thị xã TC;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ